

HÒA THƯỢNG KHÁNH ANH VỚI PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX

Tóm tắt: Hòa thượng Khánh Anh (1895-1961) là một nhân vật quan trọng trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo mà nơi diễn ra đầu tiên là ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX. Ông cùng với các Hòa thượng Khánh Hòa và Huệ Quang được xem là “ba cây trụ cột” đầu tiên của Phong trào Chấn hưng. Ông đã chung tay với các danh tăng đương thời chuyển xoay con thuyền Phật giáo Việt Nam thoát khỏi ách nạn của mê tín và lạc hậu, củng cố lại vị trí của Phật giáo trong lòng dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích và trình bày những đóng góp và ảnh hưởng của Hòa thượng Khánh Anh đối với Phong trào Chấn hưng Phật giáo trên ba phương diện: đào tạo tăng tài, dịch thuật trước tác và lãnh đạo đối với các tổ chức Phật giáo. Từ đó góp phần làm sáng tỏ hơn vai trò và vị trí của Hòa thượng trong diễn trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: Chấn hưng; Phật giáo; Nam Bộ; Việt Nam.

1. Sơ lược Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ

Việc vận động chấn hưng Phật giáo Việt Nam mạnh mẽ từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất (1914-1918). Theo Mai Thọ Truyền, Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam bắt đầu từ những năm 1920.

Phong trào được ghi nhận chính thức bằng sự vận động của Hòa thượng Khánh Hòa năm 1923. Nhân ngày giỗ Tổ tại chùa Long Hoa, quận Tiểu Cầu, tỉnh Trà Vinh (19/9/Quý Hợi), Hòa thượng Khánh Hòa mời tất cả tôn túc khắp Tiền Giang và Hậu Giang về dự lễ và họp bàn về chấn hưng Phật giáo. Các vị danh tăng như Huệ Quang, Chí

* Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 14/6/2018; Ngày biên tập: 18/6/2018; Ngày duyệt đăng: 25/6/2018.

Thiền, Từ Phong, Chánh Quả, An Lạc, Huệ Đình, Diệu Pháp... đều có mặt để cùng nhau thảo luận dẫn đến kết quả là Hội Lục hòa Liên hiệp ra đời. Mục đích của Hội là đoàn kết, giúp đỡ nhau theo dõi cập nhật tình hình Phật giáo trong nước và Phật giáo trên thế giới, cùng nhau cải tiến việc học Phật, cách thức tu hành, hướng tới vận động thành lập một hội Phật giáo thống nhất trong toàn quốc.

Khánh Hòa và Thiện Chiếu là hai nhà sư hoạt động mạnh mẽ nhất đối với Phong trào Chấn hưng, giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức và tư tưởng. Hòa thượng Khánh Hòa đã trải qua 4 năm đến tất cả các chùa lớn ở Nam Kỳ để vận động mà vẫn không thành lập được hội như mong muốn.

Tháng 5/1927, Hòa thượng Khánh Hòa cử sư Thiện Chiếu ra Bắc để thảo luận việc xúc tiến thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Sư Thiện Chiếu đã đến gặp gỡ và trao đổi với sư Tâm Lai, cũng như vận động một số tổ đình ngoài Bắc, nhưng kết quả không như mong đợi. Trên đường trở về Sài Gòn, sư Thiện Chiếu ghé Quy Nhơn (Bình Định) gặp Hòa thượng Khánh Hòa ở chùa Long Khánh. Sau khi trình bày chuyến đi và tình hình Phật giáo ngoài Bắc, sư Thiện Chiếu đưa cho Hòa thượng Khánh Hòa xem chương trình cải cách Phật giáo của Tổng hội Phật giáo Trung Hoa đăng trên Tạp chí *Hải Triều Âm* do Đại sư Thái Hư chủ biên. Hòa thượng Huệ Quang lúc đó cũng có mặt tại chùa Long Khánh. Hai vị Khánh Hòa và Huệ Quang nhất trí với nhau sau khi mãn hạ sẽ trở về Nam ngay để thành lập một hội Phật học tại Nam Kỳ. Đầu năm 1928, họ thành lập một *Thích học đường* và một *Phật học thư xã* tại chùa Linh Sơn (Sài Gòn) với sự tham gia của một số nhà sư, như: Thiện Niệm, Từ Nhãn, Chơn Huệ và một số trí thức Tây học, như: Phạm Ngọc Vinh, Trần Nguyên Chấn, Nguyễn Văn Cần, Ngô Văn Chương. Đây là tiền thân của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học về sau.

Năm 1929, Hòa thượng Khánh Hòa cho ấn hành tập san Phật học chữ Quốc ngữ lấy tên là *Pháp Âm*. Đây là tờ báo Phật giáo chữ quốc ngữ đầu tiên, số đầu tiên ra ngày 31/8/1929 và cũng là số cuối cùng của tờ báo này. Đường lối chấn hưng của Hòa thượng Khánh Hòa được thể hiện trong bài *Hành trình nhậ ký* với 3 mục tiêu hành động

cụ thể: chỉnh đốn Tăng già, kiến lập Phật học đường, diễn dịch và xuất bản kinh sách quốc ngữ.

Năm 1931, *Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học* chính thức thành lập, lấy chùa Linh Sơn làm trụ sở; Hòa thượng Từ Phong được mời làm Hội trưởng, Hòa thượng Khánh Hòa làm Phó hội trưởng. Hội cho xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*, số đầu tiên ra ngày 01/03/1932. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học là tổ chức Phật giáo ra đời sớm nhất, nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của mọi giới trong xã hội Nam Kỳ. Bước đầu hội đã thành công với việc xây dựng một thư viện Phật học gọi là *Pháp bảo phòng*, thỉnh được bộ *Tục tạng kinh* 750 tập chuẩn bị phục vụ cho học tăng nội trú. Nhưng nội bộ lãnh đạo của Hội lại xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là Phó hội trưởng Trần Nguyên Chấn bất đồng quan điểm với hai nhà sư Khánh Hòa và Huệ Quang nên Phật học đường mãi đến năm 1934 vẫn không thể khai giảng được. Chương trình đề ra của Hòa thượng Khánh Hòa coi như bế tắc. Chán nản nhưng không bỏ cuộc, Hòa thượng Khánh Hòa lui về Trà Vinh thành lập Hội Phật học Lương Xuyên. Sư Thiện Chiếu về Rạch Giá cộng tác với Hội Phật học Kiên tế do Hòa thượng Trí Thiền sáng lập, lấy chùa Tam Bảo ở làng Vĩnh Thanh Vân làm trụ sở, ra tạp chí *Tiến Hóa* năm 1938.

Ngoài ra, giai đoạn này ở Nam Kỳ còn xuất hiện các tổ chức Phật giáo khác, như: Hội Liên hữu Phật giáo do sư trụ trì chùa Bình An (Long Xuyên) lập năm 1932; Hội Tịnh độ Cư sĩ của sư Minh Trí năm 1934, trụ sở đặt tại chùa Hưng Minh (Chợ Lớn), ra tạp chí Pháp Âm; Hội Phật giáo Tương tế do Hòa thượng Lê Phước Chí ở chùa Thiên Phước (Sóc Trăng) lập, xuất bản nguyệt san Bồ đề Phật học; Hội Thông thiên học; Giáo hội Tăng già Nguyên thủy, v.v... Năm 1940, tổ Minh Đăng Quang thành lập Phật giáo Khất sĩ Việt Nam, đến ngày 22/4/1966, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam mới chính thức thành lập, trụ sở đặt tại Tịnh xá Trung Tâm (Bình Thạnh, Sài Gòn). Tịnh Độ tông Việt Nam do cư sĩ Đoàn Trung Còn lập năm 1955, trụ sở tại chùa Giác Hải (Chợ Lớn).

Hòa thượng Khánh Hòa với nhiệt huyết đào tạo tăng tài, sau khi rút về chùa Long Hòa ở Trà Vinh đã tổ chức Phật học đường lưu động lấy tên là *Liên đoàn Phật học xã*. Lớp học đầu tiên được khai giảng tại

chùa Long Hòa với khoảng 50 vị học tăng. Các nhà sư Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải đứng ra giảng dạy. Lớp học kéo dài thêm 2 khóa ở chùa Thiên Phước (Trà Ôn) và chùa Viên Giác (Bến Tre) thì tan rã vì thiếu tài chính. Hòa thượng Khánh Hòa nhận thấy cần phải thành lập một hội Phật học với đông đảo hội viên đóng góp tài chính thường trực mới có thể duy trì Phật học đường lâu dài. Hội Phật học Lưỡng Xuyên ra đời trong hoàn cảnh ấy. Công việc đầu tiên của Hội là tổ chức Phật học đường, tuyển chọn học tăng, khai giảng khóa đầu tiên vào cuối 1934. Hòa thượng Huệ Quang và Hòa thượng Khánh Anh được mời đến giảng dạy, Hòa thượng Khánh Hòa làm đốc giáo. Hai ông Ngô Trung Tín và Huỳnh Thái Cửu mua tặng Phật học đường một bộ *Đại tạng kinh* khác để làm tài liệu học tập. Hội ra mắt tạp chí *Duy Tâm* vào tháng 10/1935, Hòa thượng Huệ Quang làm chủ nhiệm, tòa soạn đặt tại chùa Long Phước (sau này đổi tên thành Lưỡng Xuyên). Hội Phật học Lưỡng Xuyên duy trì trong hoàn cảnh kinh tế khá khó khăn, có lúc phải đóng cửa trong mấy tháng vì thiếu kinh phí. Đến cuối năm 1941, Hội chính thức đóng cửa vì thiếu nguồn tài chính.

Năm 1943, Hòa thượng Khánh Hòa lui về chùa Vĩnh Bửu ở Bến Tre, dù đã già yếu vẫn tiếp tục mở một Phật học đường cho ni chúng. Đây là trường Phật học đầu tiên của ni chúng ở Nam Kỳ. Năm 1947, ông về lại chùa Tuyên Linh và viên tịch tại đây vào ngày 19/6 Âm lịch, thọ 75 tuổi. Trong suốt 25 năm, từ 40 tuổi đến cuối đời, Hòa thượng Khánh Hòa luôn đi tiên phong, dám nghĩ dám làm những việc táo bạo, từng bước nhưng chắc chắn, gặp chướng ngại không bỏ cuộc. Ông là nhân vật quan trọng nhất, có công lớn nhất trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ.

Tiếng súng ngày 19/02/1946 mở màn cuộc tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp, công cuộc chấn hưng Phật giáo bị gián đoạn từ thời điểm này đến năm 1948. Mãi đến năm 1951, Hội nghị Phật giáo toàn quốc được tổ chức tại Huế, thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, bước đầu tiên của tiến trình thống nhất Phật giáo. Cơ quan ngôn luận của Tổng hội là tạp chí *Phật giáo Việt Nam*. Sự nghiệp đào tạo tăng tài bước qua một giai đoạn mới, một số tăng sĩ được lựa chọn gửi đi du học tại Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ, Sri Lanka, v.v...

2. Đóng góp của Hòa thượng Khánh Anh với Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ

2.1. Đối với sự nghiệp giáo dục và đạo tạo tăng tài

Hòa thượng Khánh Anh chính thức vào Nam hành đạo năm 1927, lúc này với vai trò thư ký và trợ giáo cho Hòa thượng Chí Thành ở chùa Giác Hoa tỉnh Sóc Trăng trong một năm. Sau một năm, Hòa thượng Khánh Anh bắt đầu đến những nơi khác ở Nam Bộ, trước tiên là chùa Phi Lai để tham vấn với Hòa thượng trụ trì chùa. Năm 1928, Hòa thượng Khánh Anh giảng dạy Phật pháp tại chùa Hiền Long ở Vĩnh Long. Năm 1929, ông làm Chánh thư ký kiêm Giảng sư rồi sau được mời làm Đệ nhất Yết-ma¹ của giới đàn chùa Trùng Khánh ở Phan Rang. Như vậy, tuy chỉ mới 2 năm vào Nam hành đạo, tuổi còn trẻ, nhưng uy tín và đạo hạnh của Hòa thượng Khánh Anh đã lan xa, nhận được sự thỉnh cầu của tăng ni giữ nhiều chức vụ quan trọng trong hoạt động của Phật giáo Nam Bộ lúc bấy giờ. Có được sự tin tưởng như vậy là nhờ tinh thần ham học từ nhỏ của Ngài, trình độ Hán học uyên thâm, lại được xuất gia trong một tông phong nghiêm kỷ nên kinh điển giới luật được trau dồi vững chắc.

Năm 1931, Hòa thượng Khánh Anh về trụ trì chùa Long An, làng Thiện Mỹ, tổng Bình Lễ, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ. Do uy tín trong 3 năm hoạt động trước đó, khi về trụ trì chùa Long An, số người theo Hòa thượng tu học khá đông. Mô hình dạy học của Hòa thượng Khánh Anh theo hình thức gia giáo truyền thống, thầy dạy trò học, không tốt nghiệp hay văn bằng gì cả. Hầu hết đệ tử của Hòa thượng Khánh Anh đều quy y và xuất gia ở chùa này, như: Thiện Hoa (pháp danh Như Quả, pháp hiệu Hoàn Tuyên), Hoàn Phú (pháp danh Như Mẫn), Hoàn Quan (pháp danh Như Thiện), v.v... Về danh nghĩa, Hòa thượng Khánh Anh trụ trì chùa Long An đến năm 1941, nhưng thực tế giai đoạn 1935-1939, ông thường xuyên ở tại trụ sở của Hội Phật học Lương Xuyên ở chùa Long Phước, tỉnh Trà Vinh.

Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học tuy là một tổ chức Phật giáo ra đời sớm nhất ở Nam Bộ, nhưng lại không đóng vai trò tiên phong trong hoạt động chấn hưng bởi vì có sự cản trở của Phó Hội trưởng Trần Nguyên Chấn. Chương trình của Hòa thượng Khánh Anh thất bại

vì các thiền sư đã không nắm được thực quyền trong Hội². Đến năm 1933, sau khi thúc đẩy mãi mà ông Trần Nguyên Chấn không chịu cho khai giảng Phật học đường, Hòa thượng Khánh Hòa và Hòa thượng Huệ Quang liền về Trà Vinh và lập Liên đoàn Phật học xã. Đây là hình thức học đường lưu động, khai giảng khóa đầu tiên tại chùa Long Hòa, do các sư Huệ Quang, Khánh Anh và Pháp Hải giảng dạy. Hình thức hoạt động của Học xã là từng vị hòa thượng tự nguyện mở lớp theo từng khóa 3 tháng, lo mọi chi phí. Do chưa vận động kịp thời sự ủng hộ của quần chúng, các vị lãnh đạo trong Liên đoàn Học xã phải rất vất vả về kinh phí để duy trì. Do vậy, thuyết pháp ban đêm chính là phương tiện để tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của quần chúng. Lãnh đạo Liên đoàn Học xã gồm 6 vị hòa thượng: Khánh Hòa (Bến Tre), Huệ Quang (Tiểu Cần), Khánh Anh (Trà Ôn), Pháp Hải (Vĩnh Long), Chánh Tâm (Trà Ôn), Viên Giác (Bến Tre). Lúc này, Hòa thượng Khánh Anh đang là trụ trì chùa Long An. Khóa thứ II của Liên đoàn học xã tại chùa Thiên Phước do Hòa thượng Chánh Tâm làm Viện trưởng, các vị Hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Chân Hoa... đã thỉnh Hòa thượng Khánh Anh làm Pháp sư. Hòa thượng Khánh Anh đã làm Pháp sư giảng dạy tại đây 3 tháng rồi tiếp tục đến chùa Rạch Miễu ở Mỹ Tho giảng dạy 3 tháng.

Sau khi Liên đoàn học xã giải tán, Hòa thượng Khánh Hòa trở về chùa Tuyên Linh. Nhập thất gần 1 năm, nhiệt huyết trỗi dậy, không chịu đầu hàng trước khó khăn, Ngài đã liên hệ với những cư sĩ nhiệt thành với đạo Phật thành lập một tổ chức mới, lấy tên là Hội Phật học Lương Xuyên. “Lúc ấy Khánh Hòa thấy rằng cần phải thành lập một hội Phật học có đông đảo hội viên đóng góp tài chính thường trực mới có thể duy trì được một Phật học đường. Ông bèn cùng các pháp hữu thành lập hội Lương Xuyên Phật học tại Trà Vinh”³.

Ngày 13/8/1934, Thống đốc Nam Kỳ Pagès ký giấy phép cho thành lập Hội Phật học Lương Xuyên. Hội viên sáng lập của Hội gồm các tăng sĩ: Khánh Hòa, Huệ Quang, Pháp Hải, Liên Trì, Viên Giác, Kiêm Huệ, Vạn An, Bửu Sơn, Giác Hải và các cư sĩ: Huỳnh Thái Cừ, Ngô Trung Tín... Trong nhiệm kỳ đầu, Hòa thượng Từ Phong làm Chứng minh đạo sư, Hòa thượng An Lạc làm Hội trưởng, Hòa thượng Khánh

Hòa làm Đốc học trường Phật học, Hòa thượng Huệ Quang làm Chánh tổng lý, Hòa thượng Tâm Quang làm Cố vấn, Hòa thượng Diệu Pháp làm Phó tổng lý, Hòa thượng Khánh Anh làm Pháp sư trường Phật học, Hòa thượng Pháp Hải trụ trì chùa Hội quán. Cơ cấu của Hội chia làm 4 ban: Ban Chứng minh, Ban Tổng lý, Ban Giáo dục và Ban Quản lý tạp chí *Duy Tâm*. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Long Phước trên mảnh đất 10.000m². Hội Phật học Lương Xuyên ra đời nối tiếp mở rộng 3 mục đích của sự chấn hưng Phật giáo Nam Kỳ như trong *Bài giảng khai hội Lương Xuyên Phật học* tuyên bố: “Tóm lại cách trùng hưng Phật giáo, mau chóng cho thấy hiệu quả chỉ có ba điều cần thiết hơn hết: 1. Lập thành giáo hội; 2. Xuất bản tạp chí; 3. Kiến lập Phật học đường”. Công việc đầu tiên của Hội là tuyển chọn học tăng, chuẩn bị khai giảng khóa đầu tiên. Kết quả là Phật học đường Lương Xuyên khai giảng vào cuối năm 1934. Hòa thượng Huệ Quang và Hòa thượng Khánh Anh được mời đến giảng dạy. Hòa thượng Khánh Anh với cương vị “Giáo dục bộ Pháp sư” là giảng sư chính của Phật học đường suốt nhiều năm đến nỗi tới năm 1939, ông được các hòa thượng tặng hàm “Hòa thượng” dù tuổi đời chỉ mới 45, tuổi hạ mới 19, đồng thời mời làm chủ bút tạp chí *Duy Tâm*, rồi làm Đốc học của Thích học đường Lương Xuyên. Tạp chí *Duy Tâm* của Hội ra số đầu tiên vào tháng 10 năm 1935, tòa soạn được đặt tại chùa Long Phước. *Duy Tâm* thường lên tiếng kêu gọi thành lập Tổng hội Phật giáo để thống nhất tổ chức Phật giáo Việt Nam. Từ cuối năm 1937 trở đi, số nào của *Duy Tâm* cũng có bài bàn về vấn đề thành lập Tổng hội Phật giáo.

Hội Phật học Lương Xuyên ra đời và hoạt động trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, điều đó thể hiện tinh thần quyết tâm của tập thể, nhưng đó cũng là sự bất lợi khi Hội đã phải 2 lần đóng cửa và cuối cùng phải giải tán vì không đủ kinh phí duy trì hoạt động. Trường Phật học Lương Xuyên ra đời là một sự kiện lịch sử quan trọng nhất trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ. Mặc dù thời kỳ 1930-1945 ở Nam Kỳ có nhiều hội Phật học, như: Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ, Hội Phật học Lương Xuyên, Hội Phật học Kiêm Tế..., nhưng chỉ có Hội Phật học Lương Xuyên mở trường đào tạo tăng tài. Hòa thượng Khánh Anh ngay từ đầu là một trong những trụ cột của Phật học đường Lương Xuyên. Ông đã chuyển đến ở hẳn

Lưỡng Xuyên để tiện chăm lo sự nghiệp giáo dục đúng với vai trò nhiệm vụ Đốc học của mình. Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* nhận xét: “Tại Phật học đường Lưỡng Xuyên, ông là vị giáo sư dạy nhiều giờ và nhiều môn nhất trong các giáo sư”⁴. Thật vậy, đội ngũ giảng dạy không được hùng hậu, gồm các hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải, Vạn An, Từ Phong... đa phần là những gương mặt từ thời Liên đoàn học xã, nhưng hãn các vị này lên lớp không nhiều, phần vì lớn tuổi (Hòa thượng Từ Phong viên tịch năm 1938), phần vì ở chùa xa đi lại không thuận tiện. Hòa thượng Khánh Anh với cương vị “Giáo dục bộ Pháp sư” phải một mình “gồng gánh”, “trường trị ngũ niên”⁵ với trách nhiệm nặng nề, luôn túc trực thường xuyên tại học trường. *Việt Nam Phật giáo sử luận* cũng nhắc tới sự kiện năm 1939: “Lúc bấy giờ học tăng Hiền Thụy ra Huế học đã tốt nghiệp. Ông trở vào trường Lưỡng Xuyên phụ tá với thiền sư Khánh Anh trong việc giảng dạy”⁶.

Đến giai đoạn này, Hòa thượng Khánh Anh đã có tầm hoạt động khá rộng và đảm nhiệm vai trò quan trọng đối với Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Nguyễn Lang nhận xét: “Thiền sư Khánh Anh là một vị cao tăng bác học. Sự nghiệp đạo hạnh và văn hóa của ông là một viên đá lớn trong ngôi nhà Phật học Việt Nam. Với sự vắng mặt của thiền sư Khánh Anh, ba cây trụ cột đầu tiên của nền chấn hưng Phật giáo miền Nam đã không còn nữa. Những thế hệ mà họ đào tạo nên đã có đủ khả năng tiếp tục công trình khởi xướng từ hơn ba mươi năm về trước”⁷. Như vậy, Nguyễn Lang đã xếp Khánh Anh - Khánh Hòa - Huệ Quang vào hàng “ba cây trụ cột” đầu tiên của Phong trào Chấn hưng.

Năm 1941, trường Phật học Lưỡng Xuyên chính thức đóng cửa sau nhiều năm kiên trì đương đầu với khó khăn, chiến loạn và thiếu tài chính. Đây là một kết thúc đau lòng mà các vị lãnh đạo lẫn học tăng của Hội đều không mong muốn. Hòa thượng Khánh Anh lui về cộng tác với Ni trường ở Sa Đéc trong giai đoạn 1941-1944, xuống Trà Vinh dạy Ni trường ở Long Hòa năm 1945 và về Vĩnh Long khai Ni trường Tân Hòa những năm 1945-1947, cuối cùng quay về chùa Phước Hậu thoái ẩn suốt 7 năm (1947-1954) đến năm 1955 mới xuất hiện trở lại tiếp tục công hiến cho Phật giáo nước nhà. Mặc dù chỉ tồn

tại trong 7 năm (1934-1941), nhưng Hội Phật học Lương Xuyên là dấu son của trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Mặc dù chưa kịp thành công trong việc thống nhất Phật giáo tiến đến thành lập Tổng hội Phật giáo như dự định, nhưng Hội Phật học Lương Xuyên đã đào tạo ra một thế hệ tu sĩ trẻ có tài năng, có hoài bão và biết chịu đựng gian khó để phụng sự cho đạo pháp và dân tộc, mà sự thành công sau này đã minh chứng cho sự thành công của Hội.

Sau khi Hội Phật học Lương Xuyên giải tán, Hòa thượng Khánh Anh vẫn hy vọng mở được chi hội tại chùa Phước Hậu nên về đây lĩnh trách nhiệm trụ trì. Nhưng muốn lập chi hội, theo quy định pháp luật lúc ấy phải xây dựng trụ sở trên tài sản của chính mình, mà bà chủ chùa lúc ấy vốn chưa muốn hiến tài sản cho Hội, nên dự định của Hòa thượng Khánh Anh không thành. Ngài bèn lên Sa Đéc cộng tác với Ni trường ở đây, có thể đó là chi hội của Hội Phật học Lương Xuyên - chùa Giác Tâm. Năm 1945, sư Thiện Hoa mở Thích học đường ở chùa Phật Quang (Trà Ôn), mời Hòa thượng Khánh Anh làm Chứng minh. Bà cư sĩ Triệu Huệ Trí mở Ni học đường Long Hòa, Hòa thượng xuống dạy một thời gian ngắn rồi về chùa Tân Hòa khai Ni học đường tại đây. Giai đoạn này, ông dành tâm huyết cho công việc trước tác, ngoài ra còn thường xuyên tổ chức tu “Bát quan trai” cho tín đồ Phật tử trong vùng. Năm 1951, Hòa thượng chính thức bắt tay viết bộ *Khánh Anh văn sao*. Chùa Phước Hậu từ khi Hòa thượng về ẩn cư trở nên hưng thịnh bởi danh tiếng và đức độ của Hòa thượng. Số lượng bốn đạo tìm đến chùa để tham học ngày càng đông. Những tâm huyết và sự năng động hoằng pháp lợi sinh của Hòa thượng Khánh Anh đã giúp cho chùa Phước Hậu dần trở thành một Tổ đình hưng thịnh. Đây là giai đoạn tạm dừng lại của cuộc đời Hòa thượng, vui thú chùa quê với công việc nghiên cứu, viết sách, dịch thuật, giảng pháp tại chùa, mở khóa tu cho cư sĩ, huấn luyện học trò, vận động sửa chùa, v.v... Nhờ 7 năm quy ẩn (1947-1954) mà cái nhìn về cuộc đời của Hòa thượng Khánh Anh trở nên thâm thúy hơn, có những phong thái và ý kiến thực sự sâu sắc, phù hợp với hoàn cảnh và thời đại, làm nền tảng cho giai đoạn tái xuất hành đạo khi cơ duyên đến.

Hòa thượng Khánh Anh còn giữ vai trò lãnh đạo tinh thần hết sức thiêng liêng đối với nhiều thế hệ tăng ni, đó là sự tham dự vào hàng Giới sư chứng minh cho các giới tử qua nhiều giới đàn⁸.

Chấn hưng Phật giáo trước hết là mở Phật học đường để đào tạo Tăng tài, mà “Tăng tài” chính là mẫu hình lý tưởng mà giáo dục Phật giáo hướng tới nhằm “mục đích duy nhất là làm phát triển những khả năng tốt đẹp của con người”⁹. Giáo dục Phật giáo gồm Giới học, Định học và Tuệ học. Đó là ba phương diện đào tạo để hướng đến mẫu hình tăng sĩ lý tưởng. Ngoài ra, mẫu hình lý tưởng của tăng sĩ còn là sự gần gũi thân với tinh thần từ bi rộng lớn. Hòa thượng Khánh Anh thường nhắc nhở Tăng ni: “Tăng già phải là người muôn phương muôn hướng, đâu cũng là Phật sự cả, có trách nhiệm khai sáng và hướng dẫn tín đồ, phải luôn luôn tuân quy chế và hiến thân cho Giáo hội, cho Đạo pháp, chỗ nào Đạo cần thì đi, chỗ nào chúng sinh mời thì đến, không tiếc thân mạng, không ngại gian lao, không từ khó nhọc...”¹⁰. Mẫu người đào tạo của Phật giáo là những con người thâm hiểu giáo lý của Đức Phật, đồng thời người ấy phải thích nghi với xã hội. Mẫu hình lý tưởng của tăng sĩ là những con người tự bản thân có hạnh phúc và có khả năng tạo hạnh phúc cho người khác. Đạo Phật gọi đó là “hoằng pháp”. Hòa thượng Khánh Anh mong mỗi tăng ni phải là những nhà hoằng pháp, xem hoằng pháp như là sứ mạng. Hoằng pháp là nhiệm vụ của mỗi tăng sĩ. Do vậy, mẫu hình lý tưởng của tăng sĩ là những nhà hoằng pháp giỏi trên 3 phương diện: thân giáo, khẩu giáo, ý giáo. Hòa thượng Khánh Anh là tấm gương về thân giáo để nhiều thế hệ tăng ni noi theo. Nhìn lại Phong trào Chấn hưng Phật giáo thấy rằng thành công lớn nhất của phong trào là đào tạo được một lớp tăng sĩ kế thừa, về sau đều trở thành những trụ cột trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, tiếp nối sự nghiệp của các hòa thượng tiền bối, như các vị: Thiện Hòa, Thiện Hoa, Hành Trụ, Bửu Ngọc, Đồng Huy, Quảng Liên, Huyền Quang, Huệ Hưng, Trí Minh, v.v...

Có thể nói, đỉnh cao của Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ là Hội Phật học Lương Xuyền với 3 mục tiêu: thành lập giáo hội, xuất bản tạp chí, kiến lập học đường. Trong 3 mục tiêu này, duy chỉ có việc xúc tiến thành lập Tổng hội Phật giáo là chưa thành vì lý do

khách quan. Sự thành công của Phật học đường Lương Xuyên và tạp chí *Duy tâm Phật học* đáng được ghi nhận nhất là nó thể hiện một sự đoàn kết quyết tâm cao của những người lãnh đạo, vượt qua những khó khăn vì hoàn cảnh xã hội để tồn tại và duy trì trong 7 năm (1934-1941). Hội Phật học Lương Xuyên trở thành cái nôi của phong trào Phật học là bởi vì nơi đây đào tạo nên những hạt giống tốt. Đó là những tăng sĩ tốt nghiệp từ nơi này đã tiếp tục nhân rộng sự nghiệp giáo dục ở khắp nơi. Chấn hạn, tới năm 1945, khi Hội Phật học Lương Xuyên phải ngưng hoạt động, Hòa thượng Thiện Hoa liền về lại Trà Ôn lập Phật học đường Phật Quang (cuối 1945), coi như là hậu thân của Phật học đường Lương Xuyên, số tăng sinh đến dự học trên 30 vị¹¹. Đến năm 1950, các trường Phật học ở Nam Bộ hợp nhất thành nơi tiếp nối hoằng dương Phật pháp của các vị từng xuất thân ở Hội Phật học Lương Xuyên. Điều này như hiện bày huy hoàng chân giá trị của Hội Phật học Lương Xuyên. Năm 1957, Hòa thượng Thiện Hoa tổ chức ban giảng sư, lựa những vị học tăng tốt nghiệp Trung cấp, mở những khóa huấn luyện trụ trì, lấy tên Như Lai Sứ Giả, đào tạo phương pháp diễn giảng, rồi lần lượt cho đi giảng các tỉnh khắp Nam Bộ. Các vị giảng sư đó gồm: Từ Thông, Thanh Từ, Huyền Vi, Thiện Giải, v.v... Rồi đến lượt thế hệ sau nữa, Hòa thượng Từ Thông năm 1958 đã xin phép Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Thiện Hòa quay về Lương Xuyên mở lớp sơ đẳng ba năm. Cứ như vậy, phong trào Phật học ngày một lan rộng và kéo dài, đó mới thật sự là thành quả của Hội Phật học Lương Xuyên.

Tóm lại, Hội Phật học Lương Xuyên là cái nôi có công đào tạo nên nhiều thế hệ Tăng tài mà sau này họ chính là lực lượng làm phát huy mạnh mẽ hơn nữa sự nghiệp đào tạo Phật học. Phong trào Phật học từ Hội Phật học Lương Xuyên đã lan rộng ra khắp vùng Nam Bộ và kéo dài cho đến ngày nay.

2.2. Công tác dịch thuật và trước tác

Hòa thượng Khánh Anh dành nhiều thời gian cho việc dịch thuật và trước tác. Kể cả giai đoạn lãnh đạo Giáo hội Tăng già Nam Việt và Giáo hội Tăng già Toàn quốc, dù tuổi cao và công việc bận rộn, ông vẫn dành nhiều thời gian phiên dịch kinh sách. Các tác phẩm trích

dịch của Hòa thượng Khánh Anh gồm: *Hoa Nghiêm nguyên nhân luận*, *Nhị khóa hiệp giải*, *25 bài thuyết pháp của Thái Hư đại sư*, *Phật giáo vấn đáp*, *Tại gia cư sĩ luật*, *Phật hóa gia đình*, *Duy thức triết học*, *Quy nguyên trực chỉ*, *Tỳ ni chú giải*, *Sa di chú giải*, *Cảnh sách chú giải*, *Kinh Di Lặc há sinh thành Phật*, *Long Hoa tam hội nguyên tượng phùng*, v.v... Các tác phẩm dịch của Hòa thượng đều là những tác phẩm rất cần thiết cho Phật giáo đồ lúc bấy giờ, dành cho đủ mọi trình độ từ sơ cơ đến uyên áo trong Phật giáo, từ hàng tại gia cho đến hàng xuất gia. Đáng chú ý nhất là bộ *Khánh Anh văn sao*, gồm 3 tập được xuất bản và 1 tập bản thảo. Tập thứ nhất, Hòa thượng đặt tên là *Phần “Kỷ-niệm”*, Nhà in Thanh Mậu xuất bản năm 1952. Tập này chứa nhiều ảnh và tư liệu về các hòa thượng, các ngôi chùa, các hoạt động Phật sự nổi bật ở khắp Nam Bộ và Nam Trung Bộ, từ Quảng Ngãi, Quy Nhơn, đến Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh... trong đó có nhiều đoạn Hòa thượng Khánh Anh viết về chính mình và những sự kiện liên quan đến ngài. Tập thứ hai, được đặt tên *Phần “Trích dịch”*, Nhà in Thanh Mậu xuất bản năm 1953, dành để biên dịch những bài giáo lý, lịch sử và sự truyền thừa các tông phái và những câu chuyện lưu truyền trong nhà Phật. Tập thứ ba, có tên *Phần “Giảng-diễn”*, Nhà in Thanh Mậu xuất bản năm 1953, ghi lại những bài giảng của Hòa thượng trong quá trình giảng dạy và hoằng pháp ở các nơi. Ngoài *Khánh Anh văn sao*, còn một tập bổ sung, mới chỉ ở dạng bản thảo, gồm các bài phê bình, thư từ, liễn đối, phục nguyện... được chính Hòa thượng viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Riêng phần *Liễn đối*, Hòa thượng đã để lại 206 câu đối, trong đó có 3 câu đối cho nhà thờ tổ tiên, còn lại Ngài làm tặng cho các tự viện, riêng chùa Phước Hậu có đến 118 câu đối. Hiện nay, tại chùa Phước Hậu¹² còn treo 10 câu đối.

Đóng góp rõ nét về mặt tư tưởng của Hòa thượng Khánh Anh đối với Phong trào Chấn hưng Phật giáo có lẽ ở những bài viết trên tạp chí Phật học, nhất là với tạp chí *Duy tâm Phật học*. Hòa thượng là một cây bút khỏe và đều đặn trên mỗi số tạp chí. Những bài viết mang những tư tưởng rất mới so với nền Phật học lúc bấy giờ, xứng đáng với vị trí Chủ bút được giao. Báo xuất bản mỗi tháng một số, liên tục từ năm

1935 đến năm 1945. Mỗi số có các mục thường xuyên như: *Thông luận, Biện minh, Diễn đàn, Chư kinh giảng nghĩa, Khai thị pháp môn, Phật học nghiên cứu, Phật học thông tin, Chấn hưng Phật giáo, Phật hóa hữu duyên, Pháp uyển, Tự điển, Đáp ký, Sự tích, Bản kê, Pháp uyển, Văn uyển, Từ khải*, v.v... Tạp chí *Duy tâm Phật học* có tiếng vang lớn đối với Phong trào Chấn hưng Phật giáo giai đoạn 1930-1945, cùng với *Từ Bi Âm* là hai tạp chí có sức ảnh hưởng nhất trên văn đàn báo chí Phật giáo thời bấy giờ. Một số bài viết đến nay vẫn còn giá trị, một số khác có tính tham khảo về mặt tư liệu lịch sử. *Duy tâm Phật học* số 53-54 là số cuối cùng ra ngày 6/7/1943 thì đình bản vì không có giấy in¹³.

Hòa thượng Khánh Anh là cây bút chủ lực của *Duy tâm Phật học* ngay từ những số đầu tiên. Ban đầu, *Duy tâm Phật học* ra đều đặn mỗi tháng một số, vào ngày mùng 1 của tháng, nhưng càng về sau có khi cách vài tháng mới ra một số, có khi 2-3 số in chung một quyển. Các bài viết của Hòa thượng Khánh Anh khá đều đặn, hầu như mỗi số báo đều có bài, có khi 2 bài trong một số báo; đều là những chủ đề Phật học lý thú, với lối biện giải đơn giản dễ hiểu nên được đông đảo độc giả đón nhận. Hòa thượng Khánh Anh dùng nhiều bút danh: Khánh Anh, Võ Khánh Anh, Thích Khánh Anh, Cổ Đạo Trân (Đạo Trân là pháp tự của Hòa thượng)...

2.3. Công tác lãnh đạo các tổ chức Phật giáo

2.3.1. Chứng minh Đạo sư Hội Phật học Nam Việt (1955)

Theo *Nghị định của Phủ Thủ hiến số 2.134-CABDAA*¹⁴, Hội Phật học Nam Việt chính thức thành lập ngày 25/02/1951. Thành phần của Hội bao gồm cả người xuất gia lẫn người tại gia, là hội Phật giáo duy nhất của Nam Kỳ từ sau 1945. Hội trưởng đầu tiên là bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe (từng là một trong những trụ cột đầu tiên của Hội Phật học Lương Xuyền). Hội viên xuất gia đa phần là học tăng từ Phật học đường Lương Xuyền. Tuy nhiên, theo yêu cầu của tình hình Phật giáo lúc bấy giờ, thành phần xuất gia đã tách ra thành lập Giáo hội Tăng già Nam Việt năm 1951. Năm 1955, khi Hội trưởng thứ hai là Quảng Minh từ nhiệm để đi du học, cư sĩ Mai Thọ Truyền lên làm Hội trưởng. Mai Thọ Truyền là một người có tài năng, có tâm huyết và có công nhiều

với đạo pháp. Khi lên làm lãnh đạo Hội, để tranh thủ sự ủng hộ tinh thần, Hội trưởng Mai Thọ Truyền đã mời Hòa thượng Khánh Anh làm vị cao nhất trong ba vị thuộc Ban Chứng minh Đạo sư cho Hội Phật học Nam Việt cùng với các cao tăng khác như Thiện Hòa, Hành Trụ¹⁵.

“Năm 1951 (Tân Mão), ngày 25/2: Thành lập Hội Phật học Nam Việt, được cấp giấy phép chính thức ngày 11/9/1951, trụ sở đặt tại chùa Khánh Hưng (Hòa Hưng), sau dời về chùa Phước Hòa (Bàn Cờ). Năm 1957, kiến thiết chùa Xá Lợi (đường Bà Huyện Thanh Quan) và Hội đặt trụ sở tại đây. Hội ra tạp chí *Từ Quang* được 242 số (1951-1973)”¹⁶.

Hội Phật học Nam Việt là đoàn thể nam nữ cư sĩ Phật học ở Nam Bộ có hệ thống tổ chức rõ ràng, điều lệ nội quy được chính quyền công nhận, chủ trương dùng mọi phương tiện để truyền bá và thực hành Phật Pháp trên hai phương diện giáo lý và từ thiện. Hội mở chi nhánh ở hầu hết các tỉnh và quận ở Nam Bộ, hoạt động rất mạnh, các tỉnh hầu hết có tổ chức Gia đình Phật tử. Trong bản tuyên cáo thành lập Hội Phật học Nam Việt dự định sẽ thành lập một Phật học đường lớn để đào tạo tăng tài, nhưng việc này chưa thực hiện được.

Các vị xuất gia là thành viên của Hội Phật học Nam Việt sau đó tách ra thành lập Giáo hội Tăng già Nam Việt, nguyên do là ngày 06/5/1951, một đại hội Phật giáo toàn quốc được triệu tập ở Huế tiến hành thống nhất Phật giáo để thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Lúc này, ở Trung và Bắc mỗi nơi đều có hai phái đoàn, một xuất gia và một tại gia, nên yêu cầu đặt ra là đoàn phía Nam phải tách ra để thành lập thêm Giáo hội Tăng già Nam Việt để kịp tham gia đại hội khi đó. Từ đó, Hội Phật học Nam Việt chỉ còn cư sĩ mà thôi. Sau khi Hội Phật học Nam Việt xây xong chùa Xá Lợi, Hội trưởng Mai Thọ Truyền xin Hòa thượng Khánh Anh vài câu châm ngôn để treo trong chùa, và Ngài đã cho câu “Tu mà không học là tu mù. Học mà không tu là đầy sách”. Câu châm ngôn này trở nên rất nổi tiếng và ngày nay vẫn còn được treo ở giảng đường chùa Xá Lợi¹⁷.

2.3.2. *Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt khóa II (1957)*

Đại hội Phật giáo toàn quốc tại Huế diễn ra từ ngày 6/5 đến ngày 9/5/1951 để thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, hợp nhất 6 tổ

chức của cả 3 miền (Miền Bắc có Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt; Miền Trung có Giáo hội Tăng già Trung Việt, Hội Việt Nam Phật học Trung Việt; Miền Nam có Giáo hội Tăng già Nam Việt, Hội Phật học Nam Việt). Sự thật là, trong khi đại hội, giới tu sĩ trong Hội Phật học Nam Việt chỉ mới tách ra để thành lập Giáo hội Tăng già Nam Việt trên danh nghĩa chứ chưa phải chính thức. Đến sau đại hội, ngày 5/6/1951, Giáo hội Tăng già Nam Việt mới chính thức làm lễ ra mắt tại chùa Khánh Hưng (Hòa Hưng). Ban Tổng trị sự Trung ương Giáo hội gồm có Hòa thượng Đạt Thanh chùa Giác Ngộ làm Pháp chủ lâm thời, Hòa thượng Đạt Từ làm Trị sự trưởng, Hòa thượng Huyền Dung làm Trị sự phó, Hòa thượng Nhựt Liên làm Tổng thư ký, Phước Cần làm Trưởng ban Giám luật, Quảng Liên làm Trưởng ban Hoằng pháp, Thiện Hòa làm Trưởng ban Giáo dục, Tắc Nghi làm Trưởng ban Nghi lễ, Quảng Minh làm Kiểm soát¹⁸. Tổ chức này tồn tại đến cuối năm 1963.

Phần lớn các vị cao tăng nắm vị trí quan trọng trong Giáo hội Tăng già Nam Việt đều xuất thân từ Hội Phật học Lương Xuyên. Trong 3 vị trụ cột của Hội Phật học Lương Xuyên thì Hòa thượng Khánh Hòa đã viên tịch năm 1947. Hòa thượng Huệ Quang được thỉnh làm Pháp chủ năm 1953, mất tại Ấn Độ năm 1956. Nhân vật trụ cột số 3 là Hòa thượng Khánh Anh hiển nhiên xứng đáng được thỉnh lên làm Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt khi ấy thay cho Hòa thượng Huệ Quang. Mặc dù nhiều lần từ chối, nhưng cuối cùng Ngài cũng đồng ý, từ đó Hòa thượng phải lãnh thêm trọng trách. Mỗi khi giáo hội có việc quan trọng, Ngài đều lên chùa Ấn Quang (trụ sở) để tham gia. Sự uy tín, tài năng và đức độ của Ngài là chỗ nương tựa vững chắc cho các học trò của mình an tâm làm việc. Ngày 31/3/1957, Đại hội nhiệm kỳ II của Giáo hội Tăng già Nam Việt họp tại chùa Ấn Quang, chính thức suy tôn Hòa thượng Khánh Anh làm Pháp chủ. Như vậy lúc này, Ngài vừa là Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt, vừa là Chứng minh Đạo sư của Hội Phật học Nam Việt, vừa là trụ trì Tổ đình Phước Hậu.

Để hình dung vai trò lãnh đạo của Hòa thượng Khánh Anh với giáo hội và tăng ni Phật tử, hãy xem đoạn trích của Hòa thượng Thiện Hoa thuật lại như sau: “Sau ba tháng huấn luyện, một buổi lễ rất trang

nghiêm và trọng thể được tổ chức ban đêm dưới mái chùa Ấn Quang vào ngày Phật hoan hỷ năm Đinh Dậu (1957) dưới sự chứng minh tối cao của Đức Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt, Hòa thượng Thích Khánh Anh. Ngài ban pháp phục, cầm nang và những đạo từ thâm thúy! đỉnh ninh phú chúc cho các vị Như Lai Sứ Giả, với giọng nói run run của một vị trưởng lão! làm cho hàng ngàn Tăng Ni và Phật tử đều vô cùng cảm động!”¹⁹.

Đến năm 1963, Giáo hội Tăng già Nam Việt chấm dứt hoạt động khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời.

2.3.3. *Thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc khóa II (1959)*

Ngày 7/9/1951, đại hội Tăng già toàn quốc Việt Nam được triệu tập, đại biểu cả ba miền Nam-Trung-Bắc đều họp tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), thành lập Giáo hội Tăng già Toàn quốc. Đại hội suy tôn Hòa thượng Tuệ Tạng làm Thượng thủ. Trụ sở Giáo hội Tăng già Toàn quốc đặt tại chùa Quán Sứ.

Năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt, Giáo hội Tăng già Toàn quốc cũng vì thế mà tạm thời bị chia cắt, hai miền không liên lạc với nhau được, mọi hoạt động bị đình trệ. Ngày 12/12/1954, Hội Phật giáo Bắc Việt di cư vào Nam, được Hội Phật học Nam Việt nhường chùa Phước Hòa làm trụ sở. Ngày 25/12/1954, Giáo hội Tăng già Bắc Việt di cư vào Nam đặt trụ sở tại chùa Giác Minh, đường Phan Thanh Giản. Thực ra, sự di cư này của Tăng già Miền Bắc chỉ là một bộ phận, số tăng ni còn lại vẫn ở lại Miền Bắc. Như Hòa thượng Thượng thủ Tuệ Tạng đã không vào Nam mà rời chùa Quán Sứ về chùa Quần Phương (Nam Định)... rồi tịch vào ngày 10/5/1959.

Để tiếp nối hoạt động trở lại của Giáo hội Tăng già Toàn quốc, sau khi Hòa thượng Thượng thủ Tuệ Tạng mất, ngày 10/9/1959, tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn), Đại hội Giáo hội Tăng già Toàn quốc lần thứ 2 với sự có mặt của Hội đồng Pháp chủ và Giáo hội Tăng già ba miền Bắc - Trung - Nam đã long trọng suy tôn Hòa thượng Khánh Anh lên làm Thượng thủ. Từ ngày lên ngôi Thượng thủ kiêm Pháp chủ, Hòa thượng Khánh Anh vẫn thường lưu trú ở chùa Ấn Quang để đôn đốc Phật sự và tiếp tục phiên dịch và trước tác.

Kết luận

Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam là kết quả tất yếu từ các điều kiện nội tại và ngoại tại. Bên ngoài, hoàn cảnh chính trị-xã hội có những biến chuyển nhanh chóng đặt ra nhiều thách thức cho sự tồn vong của Phật giáo, buộc những trí thức Phật giáo hoặc những trí thức yêu mến Phật giáo không thể chần chừ được nữa mà phải nhanh chóng làm cách mạng thay đổi. Bên trong, Phật giáo đang ở giai đoạn suy vi trầm trọng, may thay vẫn còn sót lại những con người nhiệt huyết và tài giỏi đã mạnh mẽ đứng lên kêu gọi cải cách, cùng chung tay chinh đồn lại đạo Phật nước nhà. Với sự chín muồi của các điều kiện như vậy, Phong trào Chấn hưng Phật giáo đã xuất hiện.

Hòa thượng Khánh Anh là một trong ba cột trụ đầu tiên của Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Không quyết liệt như sư Thiện Chiếu, không phải người khởi xướng đầu tiên như HT. Khánh Hòa, nhưng HT. Khánh Anh là người đã âm thầm cống hiến hết sức mình cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo mà nổi bật nhất là thời gian ở Hội Phật học Lương Xuyên, vừa giữ vai trò Đốc học, vừa giữ vai trò chủ bút Tạp chí Duy tâm Phật học. Tại Phật học đường Lương Xuyên, ông là vị dạy nhiều giờ nhất và nhiều môn nhất. Ở vai nhà giáo dục, Hòa thượng là một vị thầy mẫu mực về thân giáo, khẩu giáo, ý giáo. Ở vai trò người cầm bút, Hòa thượng đã mở rộng những luận điểm mới cho Phật giáo Việt Nam đương thời, chiếu rọi tư tưởng cho con đường chấn hưng Phật giáo nước nhà. Ở vai trò người lãnh đạo, Hòa thượng là nơi nương tựa tinh thần vững chắc cho toàn thể tăng ni và tín đồ; đã gánh trên vai trọng trách lớn lao, lèo lái con thuyền Phật giáo Việt Nam vững vàng trước những biến động của xã hội. Dù là một danh tăng với nhiều chức vụ lớn trong giáo hội nhưng HT. Khánh Anh với đời sống giản dị, gần gũi với tăng ni và quần chúng, gần gũi với quê hương xóm làng đã để lại nhiều sự kính trọng và cảm mến.

Nhìn lại những đóng góp to lớn của Hòa thượng Khánh Anh để nhận định và rút ra bài học kinh nghiệm cho Phật giáo Việt Nam hôm nay là việc làm cần thiết. Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ nói riêng, ở Việt Nam nói chung đầu thế kỷ 20 là bài học quý báu cho

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay. Những thành công đã đạt được từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo mang lại cần phải được kế thừa và phát huy; những tồn tại và khuyết điểm cần phải được từng bước khắc phục. Có như vậy Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới thực hiện tốt vai trò và chức năng của mình. Muốn vậy, Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam cần phải được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ, không những để ghi nhận lại những giá trị lịch sử mà còn là bài học sinh động cho Phật giáo Việt Nam ngày nay và mai sau. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Yết-ma sư là một trong ba vị trí quan trọng trong “Tam sư, thất chứng” (三師七證) trong giới đàn truyền giới của Phật giáo, cũng gọi Thập sư, Thập tăng. Tam sư là 3 vị thầy, Thất chứng là 7 vị chứng minh. Chỉ cho số Giới sư phải có đủ trong giới tràng khi truyền giới. Tam sư gồm: Hòa thượng sư (vị Hòa thượng chính trao truyền giới luật), Yết-ma sư (vị chủ trì nghi thức truyền giới), Giáo thọ sư (vị thầy dạy về uy nghi tác pháp, hướng dẫn, dạy dỗ cho giới tử).
- 2 Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 785-786.
- 3 Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Sdd: 790.
- 4 Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Sdd: 1007.
- 5 Khánh Anh văn sao, tập 4, phần Thân thể lược dẫn : 5.
- 6 Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Sdd: 792.
- 7 Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Sdd: 1011.
- 8 Xem thêm: Thích Đồng Bồn (2009), *Biên niên sử giới đàn tăng Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 70-165.
- 9 Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), *Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 10.
- 10 Giáo hội Tăng già Toàn quốc (1961), *Lễ nhập tháp đức Thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc (16-3-1961)*, Sài Gòn: 11.
- 11 Hường Chân (1973), *Tiểu sử cố hòa thượng Thích Thiện Hoa - Viện trưởng Viện hóa đạo GHPGVNTN*, Viện Hóa Đạo, Sài Gòn: 11.
- 12 Nay thuộc xã Ngải Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.
- 13 Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam 1929-2008*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 77.
- 14 Thích Đức Nhuận (2009), *Đạo Phật và dòng sư Việt*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
- 15 Minh Đức (2001), *Lịch sử hoạt động Hội Phật học Nam Việt 1951-1974*, Ban quản trị Chùa Xá Lợi, Tp. HCM: 72.
- 16 Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM: 120.
- 17 Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh*, Thành hội Phật giáo Tp. HCM ấn hành, Tp. HCM: 398.

- 18 Trí Không (2009), *Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi*, Tp. HCM: 25.
- 19 Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm chấn hưng Phật giáo, Tập I*, Viện Hóa Đạo, Sài Gòn: 72.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Khánh Anh (1952), *Khánh Anh văn sao-Tập nhứt-Phần "Kỷ niệm"*, Nhà in Thanh Mậu, Sài Gòn.
2. Thích Khánh Anh (1953), *Khánh Anh văn sao-Tập nhì-Phần "Trích dịch"*, Nhà in Thanh Mậu, Sài Gòn.
3. Thích Khánh Anh (1955), *Khánh Anh văn sao-Tập ba-Phần "Giảng diễn"*, Nhà in Thanh Mậu, Sài Gòn.
4. Thích Khánh Anh, *Khánh Anh văn sao-Tập bốn* (Bản thảo)
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2017), *Nhân vật lịch sử tỉnh Vĩnh Long*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), *Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Thích Đồng Bồn (chủ biên) (1996), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam*, tập 1, Thành hội Phật giáo Tp. HCM ấn hành, Tp. HCM.
8. Thích Đồng Bồn (2009), *Biên niên sử giới đàn tăng Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Hường Chân (1973), *Tiểu sử cố hòa thượng Thích Thiện Hoa-Viện trưởng Viện hóa đạo GHPGVNTN*, Viện Hóa Đạo, Sài Gòn.
10. Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Lê Tâm Đắc, Nguyễn Đại Đồng (2013), *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX nhân vật và sự kiện*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Đại Đồng (2018), *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam 1929-2008*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. Minh Đức (2001), *Lịch sử hoạt động Hội Phật học Nam Việt 1951-1974*, Ban Quản trị chùa Xá Lợi, Tp. HCM.
15. Vu Gia (2014), “Vĩ đâu Phật giáo thời Hậu Lê suy đồi”, trong *Phật giáo thời Hậu Lê*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
16. Tuệ Giác (1964), *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Hoa Nghiêm xuất bản, Sài Gòn.
17. Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc (1961), *Lễ nhập tháp đức Thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc (16-03-1961)*, Sài Gòn.
18. Nguyễn Thị Hà (2014), *Phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX (1905-1930)*, luận văn thạc sĩ lịch sử, ĐH Sư Phạm Tp. HCM.
19. Hoàng Xuân Hào (1972), *Phật giáo và chánh trị tại Việt Nam ngày nay, quyển I*, Luận án tiến sĩ Luật khoa-Viện Đại Học Sài Gòn, Sài Gòn.

20. Thiện Hậu (2017), *Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938-1963)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
21. Nguyễn Duy Hinh (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo & Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
22. Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm chấn hưng Phật giáo*, Tập I, Viện Hóa Đạo, Sài Gòn.
23. Lê Khánh Hòa (1929), *Tạp chí Pháp Âm*, Nhà in Thanh Mậu, Sài Gòn.
24. Trí Không (2009), *Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi*, Tp. HCM.
25. Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM.
26. Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược*, quyển 2, Trung tâm Học liệu xuất bản.
27. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn Học, Hà Nội.
28. Trần Hồng Liên (2007), *100 câu hỏi đáp về Phật giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh và Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. HCM.
29. Dương Thanh Mừng (2016), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Miền Trung Việt Nam (1932-1951)*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Đại học Sư phạm Huế.
30. Nhiều tác giả (2017), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo & Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. HCM.
31. Nhiều tác giả (2017), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam và truyền thống Bến Tre*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo & Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam & Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bến Tre, Bến Tre.
32. Thích Đức Nhuận (2009), *Đạo Phật và dòng sử Việt*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
33. Huệ Quang (1935), “Bài giảng khai hội Lương Xuyên Phật Học”, *Duy Tâm Phật học*, số 1, tr. 20-26
34. Vân Thanh (1975), *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, Sài Gòn.
35. Thích Hạnh Thành (2016), *Biên niên sử Thiền tông Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
36. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM.
37. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh*, Thành hội Phật giáo Tp. HCM ấn hành, Tp. HCM.
38. Thích Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
39. Thích Minh Thông (chủ biên) (2016), *Hội thảo giáo dục Phật giáo-Giáo dục Trung cấp Phật học Khánh Hòa thực trạng và giải pháp*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, Tp. HCM.
40. Mai Thọ Truyền (2008), *Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
41. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

42. Thích Minh Tuệ (1992), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Tp. HCM ấn hành, Tp. HCM.

Abstract

VENERABLE KHÁNH ANH AND BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN THE SOUTH OF VIETNAM AT THE BEGINNING OF THE 20TH CENTURY

Pham Tan Nghe

*Centre for Vietnam's Buddhism Studies,
Ho Chi Minh City*

Venerable Khánh Anh (1895-1961) was an important figure of the Buddhist Revival Movement which was initially took place in the South in the early of the 20th century. He along with Khánh Hòa and Huệ Quang were considered as the “three first pillars” of the Buddhist Revival Movement. He joined with the other monks to help the Vietnam Buddhism get off superstition and backwardness, consolidate the Buddhism’s status in the heart of the nation. This article presents and analyzes the contributions and influence of Venerable Khanh Anh to the Buddhist Revival Movement on three aspects: training the monks, translation, and leadership of the Buddhist organizations. It sheds a light on the role and status of Venerable Khánh Anh in the course of reviving Buddhism in Vietnam.

Keywords: Revival; Buddhism; South; Vietnam.